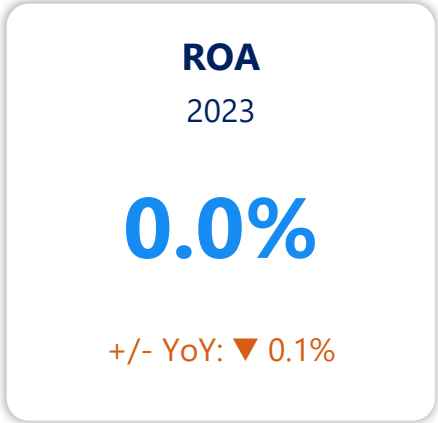
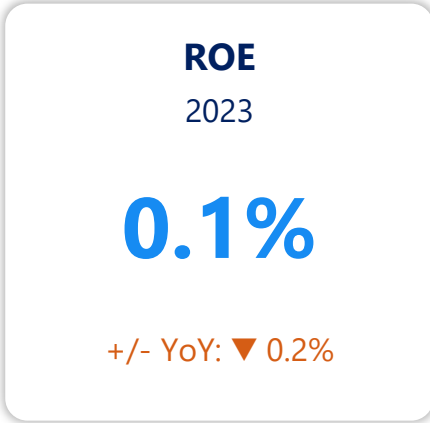
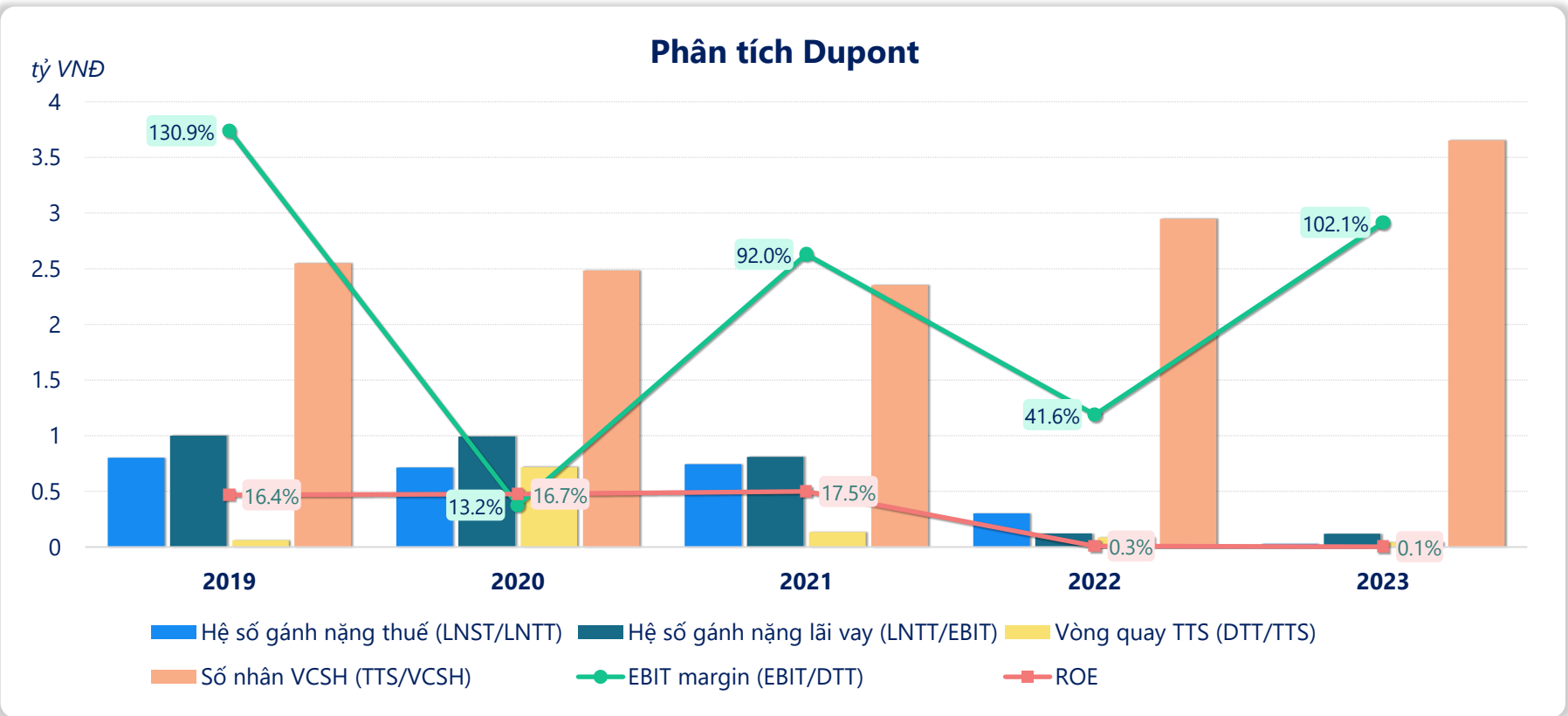
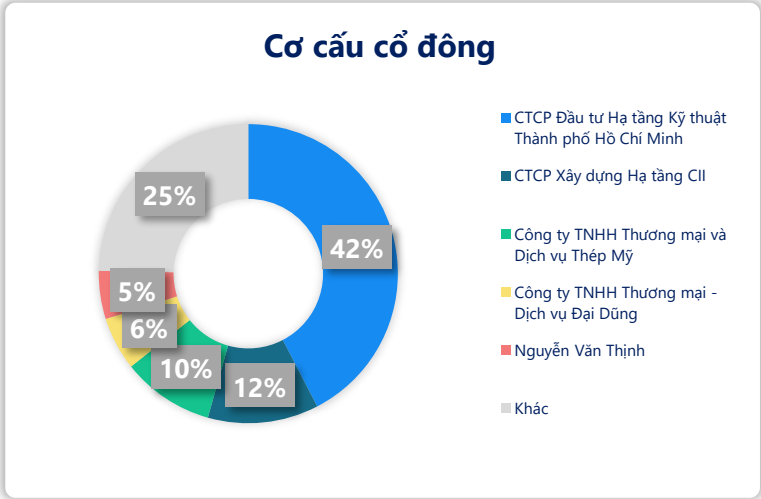


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

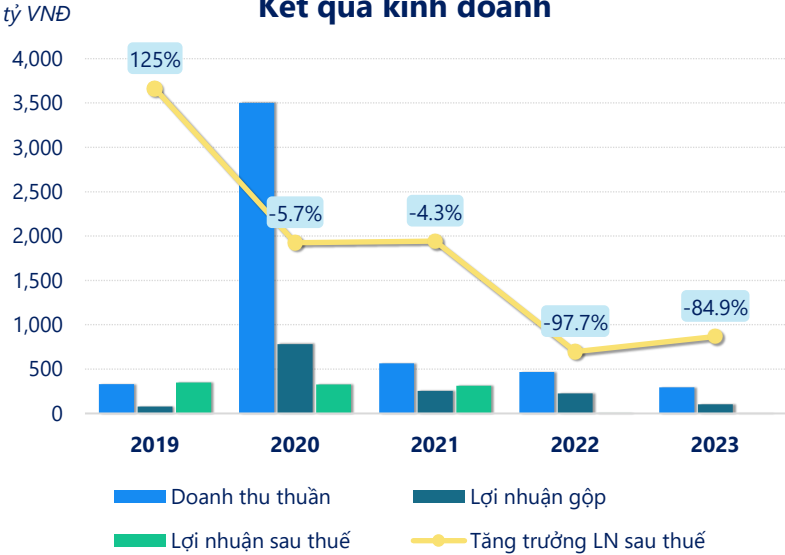
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		21,550
Sàn giao dịch		HSX
Khoảng giá 52 tuần		11,950 - 23,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,158
Số lượng CPLH (CP)		100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)		156,000
Sở hữu nước ngoài		1.2%
Beta		1.03
EPS		88
P/E		244.2

	YTD	1T	3T	6T
NBB	59.0%	0.2%	22.4%	45.1%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

Kết quả kinh doanh

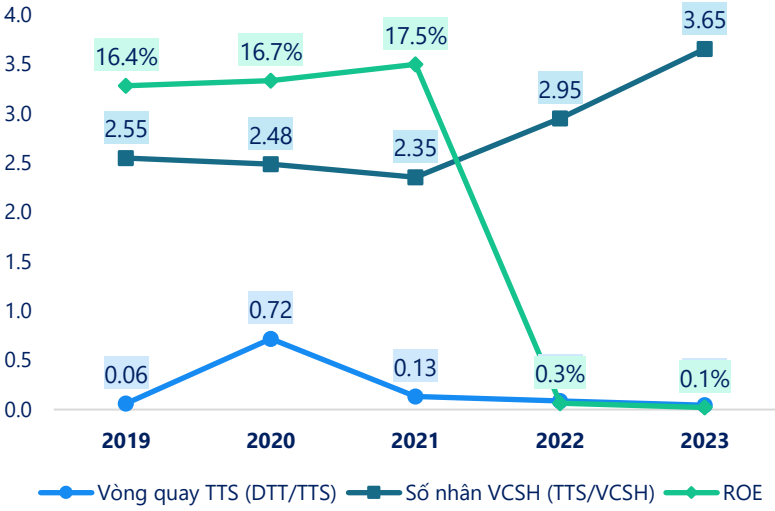


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **102%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.03**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.12**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

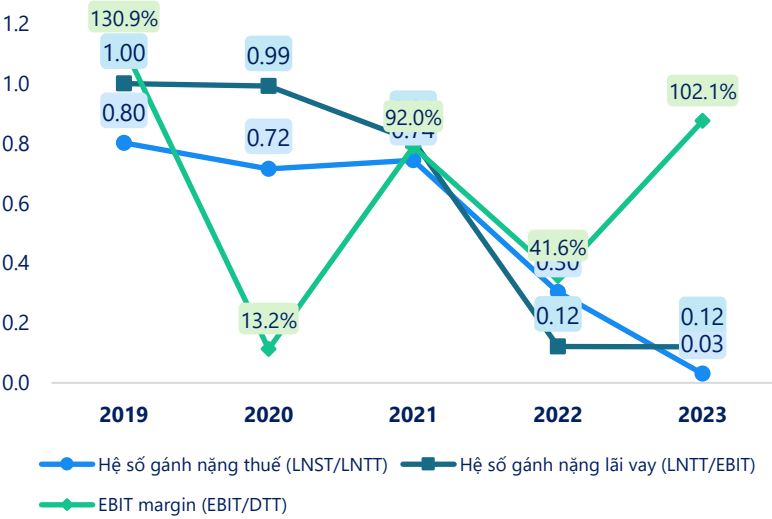
Vòng quay tài sản và ROE



Năm **2023**, **NBB** ghi nhận doanh thu thuần **293.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **1.09** tỷ đồng, lần lượt **giảm 37.2%** và **giảm 84.9%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **0.10%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

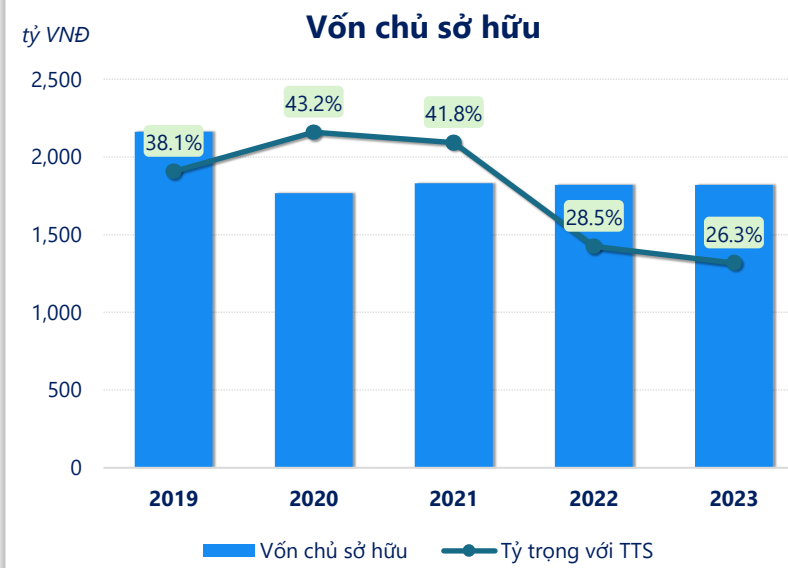
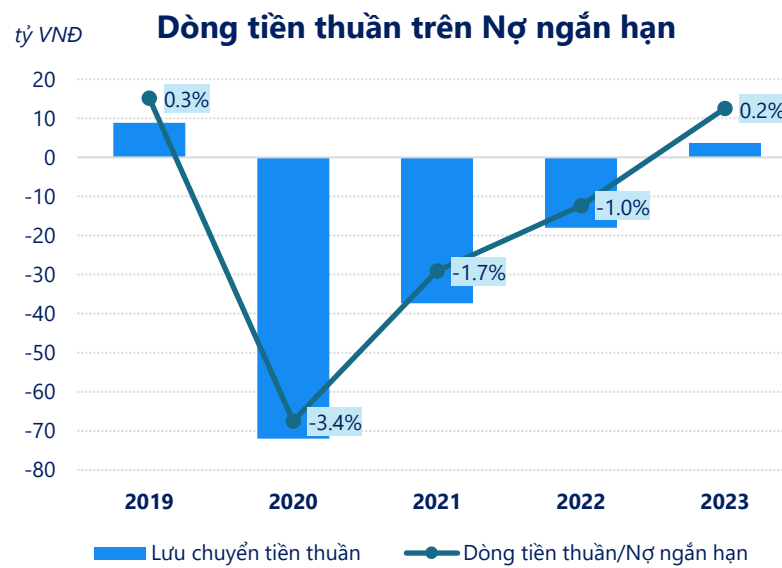
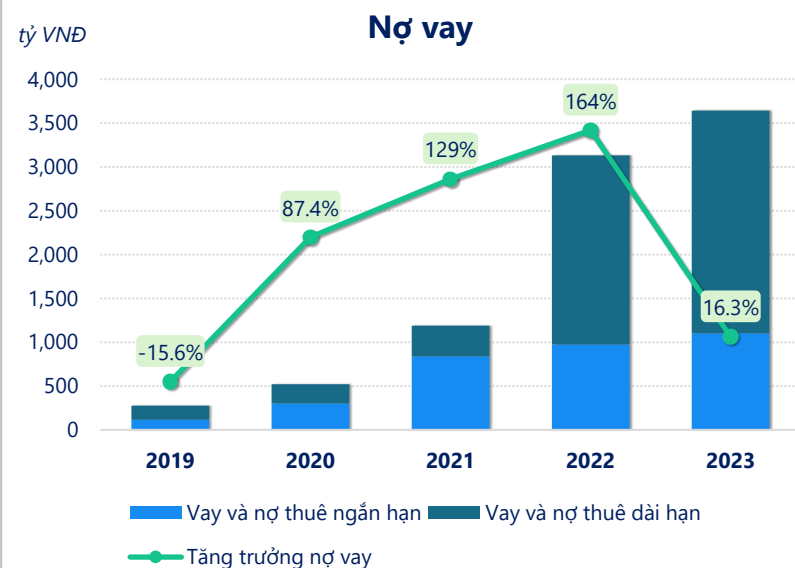
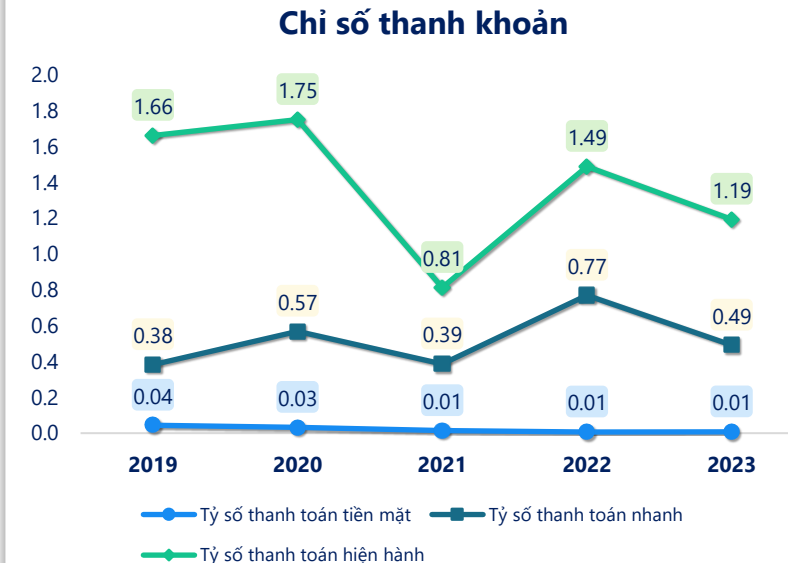
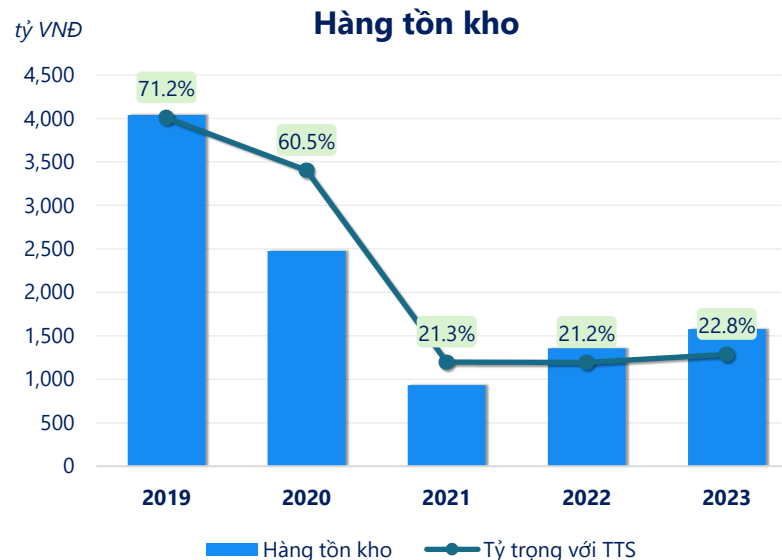
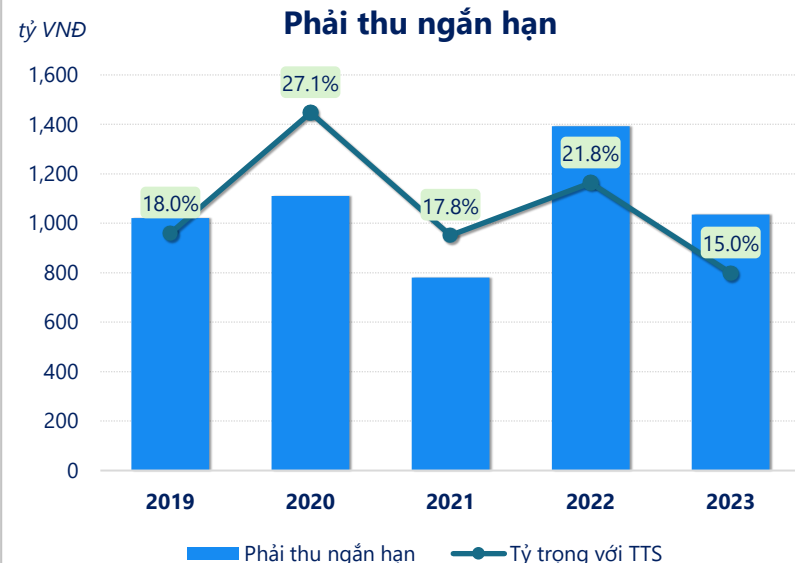


Vòng quay tổng tài sản đạt **0.04**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **3.65** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	6,911	6,387	8.2%
Tài sản ngắn hạn	2,680	2,806	-4.5%
Tiền và tương đương tiền	113	12.1	829%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	939	1,393	-32.6%
Hàng tồn kho	1,576	1,356	16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	51.6	45.8	12.6%
Tài sản dài hạn	4,231	3,581	18.2%
Phải thu dài hạn	2,032	1,587	28.0%
Tài sản cố định	222	246	-9.9%
Bất động sản đầu tư	9.49	10.1	-6.5%
Tài sản dở dang	1,654	1,607	2.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	16.2	126%
Tài sản dài hạn khác	240	115	109%
Lợi thế thương mại	38.0	0	
Nợ phải trả	5,101	4,567	11.7%
Nợ ngắn hạn	2,256	1,884	19.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,101	972	13.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	132	92.4	42.5%
Nợ dài hạn	2,845	2,683	6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,539	2,158	17.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,811	1,820	-0.5%
Vốn chủ sở hữu	1,811	1,820	-0.5%
Vốn điều lệ	1,005	1,005	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	331	3,501	565	466	293
Giá vốn hàng bán	251	2,720	310	240	188
Lợi nhuận gộp	79.6	781	255	227	105
Doanh thu HĐTC	123	20.3	435	151	353
Chi phí TC	0.08	198	166	260	323
Chi phí lãi vay	0.08	3.65	99.3	170	263
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.54	127	3.08	2.92	1.33
Chi phí QLDN	32.6	41.4	66.5	42.6	49.1
LN thuần từ HĐKD	167	435	455	72.9	84.5
Lợi nhuận khác	266	23.1	-33.6	-49.2	-48.5
LN trước thuế	433	458	421	23.7	36.0
Lợi nhuận sau thuế	347	327	313	7.18	1.09
LNST của CĐ cty mẹ	347	327	314	6.00	1.91

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	237	306	-103	-1,144	-500
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.0	-24.7	-477	-817	-258
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-183	-354	543	1,943	762
Tiền đầu kỳ	131	139	67.5	30.2	12.1
Lưu chuyển tiền thuần	8.88	-72.0	-37.3	-18.0	3.66
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	139	67.5	30.2	12.1	15.8